

Số: 385../ĐHKTL-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2019

## **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v cảnh báo học tập sinh viên hệ đại học chính quy  
học kỳ I năm học 2018 - 2019**

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT**

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Kinh tế - Luật trên cơ sở Khoa Kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 262/ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Tp. HCM ban hành về Quy chế đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ quyết định số 789/QĐ-ĐHKTL ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Tp. HCM ban hành về Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ kết quả học tập học kỳ I năm học 2018 - 2019 của sinh viên và kết luận của Chủ tịch Hội đồng xét học tiếp, cảnh báo học tập, đình chỉ học tập và xóa tên khỏi danh sách đối với sinh viên hệ đại học chính quy trong phiên họp ngày 02/04/2019,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay cảnh báo học tập 67 sinh viên hệ đại học chính quy (danh sách đính kèm).

**Điều 2.** Thời gian cảnh báo học tập kéo dài trong 1 học kỳ chính tiếp theo (HK2 năm học 2018 - 2019). Sinh viên sẽ được xóa tên trong danh sách cảnh báo học tập, nếu có kết quả học tập ở cuối kỳ tiếp theo không vi phạm Điều 31 và Điều 32 quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các Phòng, Khoa có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, PĐT.



**DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC ĐIỆN CẢNH BÁO HỌC TẬP  
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2018 - 2019**

(Đính kèm QĐ 385/QĐ/ĐHKTL-ĐT ngày 11 tháng 04 năm 2019)

| STT | MÃ LỚP   | MSSV       | HỌ VÀ TÊN            | NGÀY SINH  | GHI CHÚ |
|-----|----------|------------|----------------------|------------|---------|
| 1   | K16401   | K164012065 | HỨA THỊ HỢP          | 24/04/1998 |         |
| 2   | K17401   | K174010009 | NGUYỄN XUÂN DUY      | 20/04/1999 |         |
| 3   | K17401   | K174010024 | NGUYỄN DUY KHOA      | 10/09/1999 |         |
| 4   | K17403   | K174030205 | HOÀNG NGỌC TỬ ANH    | 19/10/1999 |         |
| 5   | K17403   | K174030230 | ĐẶNG NHẬT KHOA       | 17/02/1999 |         |
| 6   | K17403   | K174030258 | LÊ VÕ ANH THƯ        | 15/12/1999 |         |
| 7   | K17403   | K174030260 | NGUYỄN THỊ THỦY TIỀN | 10/10/1999 |         |
| 8   | K17403   | K174030261 | PHẠM THỊ NGỌC TİM    | 11/12/1999 |         |
| 9   | K17403C  | K174030276 | TRẦN THỦY HẰNG       | 29/10/1999 |         |
| 10  | K17403C  | K174030278 | NGUYỄN ĐĂNG KHOA     | 19/12/1999 |         |
| 11  | K17403C  | K174030279 | VŨ HUỲNH GIA MÃN     | 14/04/1999 |         |
| 12  | K18401   | K184010025 | BÙI DUY LINH         | 23/11/1998 |         |
| 13  | K18401   | K184010028 | TRỊNH ĐỨC LƯƠNG      | 05/07/2000 |         |
| 14  | K16402   | K164022123 | NGUYỄN VĂN YÊN       | 10/05/1998 |         |
| 15  | K16408   | K164081113 | LÊ HÀ BẢO TRÂM       | 19/09/1998 |         |
| 16  | K17402   | K174020068 | NGUYỄN HOÀNG ANH     | 06/04/1998 |         |
| 17  | K17402   | K174020160 | PHẠM THỊ THANH TUYỀN | 31/01/1999 |         |
| 18  | K17408   | K174080926 | HỒ ĐẮC TRUNG         | 16/12/1996 |         |
| 19  | K17408   | K174080931 | VÕ HOÀNG VIỆT        | 04/05/1999 |         |
| 20  | K17408C  | K174080959 | NGUYỄN CÔNG THÀNH    | 09/11/1999 |         |
| 21  | K17408C  | K174080971 | VÕ THỊ TỔ TRINH      | 13/08/1999 |         |
| 22  | K18402   | K184020165 | TRẦN MINH QUÂN       | 18/10/2000 |         |
| 23  | K18408   | K184080983 | NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH  | 30/12/2000 |         |
| 24  | K18408   | K184081008 | LÝ THỊ KIM LUYẾN     | 11/05/2000 |         |
| 25  | K18408   | K184081016 | PHAN MINH NGỌC       | 26/08/2000 |         |
| 26  | K16412   | K164040453 | LÊ THỊ HẢI ĐĂNG      | 24/12/1997 |         |
| 27  | K16412   | K164040489 | NGUYỄN THỊ LINH      | 09/10/1998 |         |
| 28  | K16412   | K164040515 | HOÀNG HIẾU NHÂN      | 02/02/1996 |         |
| 29  | K16412   | K164040564 | NGUYỄN THỊ ANH THƯ   | 26/11/1998 |         |
| 30  | K16404C  | K164042217 | TRƯƠNG ĐỨC KHƯƠNG    | 02/11/1998 |         |
| 31  | K17404C  | K174040468 | NGUYỄN VIỆT THÀNH    | 23/10/1999 |         |
| 32  | K18404A  | K184040350 | NGUYỄN THỊ KIỀU DIỄM | 21/12/2000 |         |
| 33  | K18404CA | K184040527 | HOÀNG MINH           | 08/07/2000 |         |
| 34  | K16405   | K164050714 | VÕ THỊ MỸ PHỤNG      | 15/10/1997 |         |
| 35  | K17405C  | K174050566 | PHẠM TRẦN HÀ GIANG   | 11/03/1999 |         |
| 36  | K17409C  | K174091101 | LÊ TUỆ MÃN           | 06/02/1999 |         |
| 37  | K17409C  | K174091111 | HUỲNH THANH THƯ      | 11/08/1999 |         |
| 38  | K18405C  | K184050652 | HÀ THỊ KIỀU OANH     | 11/02/2000 |         |

| STT | MÃ LỚP  | MSSV       | HỌ VÀ TÊN        |        | NGÀY SINH  | GHI CHÚ |
|-----|---------|------------|------------------|--------|------------|---------|
| 39  | K17406  | K174060667 | HỒ THIÊN         | TÂM    | 25/11/1999 |         |
| 40  | K17406  | K174060670 | CAO HỮU          | THẮNG  | 14/08/1999 |         |
| 41  | K17411  | K174111226 | VY THỂ           | BẢO    | 31/03/1998 |         |
| 42  | K17411  | K174111260 | TRẦN TRỌNG       | NGHIÊM | 20/01/1999 |         |
| 43  | K18406C | K184060814 | LÊ HOÀNG CHÍ     | VĨ     | 12/07/2000 |         |
| 44  | K18411C | K184111474 | NGUYỄN CÔNG      | VĨNH   | 30/10/2000 |         |
| 45  | K18411C | K184111966 | TRẦN KHẮC        | NHU    | 13/02/2000 |         |
| 46  | K16407  | K164072297 | NGUYỄN TRỌNG     | ĐẠI    | 08/04/1998 |         |
| 47  | K16407C | K164072365 | NGUYỄN THỊ XUÂN  | VÂN    | 27/01/1998 |         |
| 48  | K16410  | K164101397 | TRẦN GIA         | LINH   | 31/05/1998 |         |
| 49  | K16410  | K164101439 | HOÀNG THANH      | THỰC   | 26/05/1996 |         |
| 50  | K17410C | K164102055 | NGUYỄN LÂM       | BÌNH   | 12/03/1998 |         |
| 51  | K16410  | K164102409 | ĐỖ HỒNG          | HẠNH   | 12/06/1998 |         |
| 52  | K16410  | K164102431 | NGUYỄN THỊ THANH | TỊNH   | 30/06/1998 |         |
| 53  | K16503C | K165031952 | TRẦN NGỌC        | HÙNG   | 05/08/1998 |         |
| 54  | K16504  | K165042019 | NGUYỄN NGỌC      | NGUYỄN | 18/09/1998 |         |
| 55  | K16504  | K165042036 | VÕ THỊ BÉ        | THẨM   | 01/07/1997 |         |
| 56  | K16504  | K165042634 | NGUYỄN THỊ TUYẾT | ĐẠT    | 25/07/1997 |         |
| 57  | K17504  | K175041729 | NGUYỄN NGỌC KIỀU | NHƯ    | 19/03/1999 |         |
| 58  | K18503  | K185031755 | NGUYỄN THỊ QUẾ   | ANH    | 26/06/1999 |         |
| 59  | K18504  | K185041858 | LÊ HỒ LỘC        | AN     | 29/10/2000 |         |
| 60  | K18504  | K185041908 | HỨA HUỖNH        | THUẬN  | 22/02/2000 |         |
| 61  | K16502  | K165021778 | DƯƠNG NGỌC       | SƠN    | 01/01/1996 |         |
| 62  | K17501C | K175011440 | CAO THANH        | THẢO   | 14/08/1999 |         |
| 63  | K18501  | K185011554 | NGUYỄN VŨ KHÁNH  | NHI    | 09/05/2000 |         |
| 64  | K18502  | K185021635 | PHAN THỊ BẢO     | ANH    | 22/02/2000 |         |
| 65  | K18502  | K185021637 | ĐỖ THANH         | DANH   | 03/08/2000 |         |
| 66  | K18413  | K184131490 | HÀ THỊ XUÂN      | LUYỄN  | 20/08/2000 |         |
| 67  | K18413  | K184131500 | NGUYỄN THỊ THU   | THẢO   | 08/01/2000 |         |

NGƯỜI LẬP DANH  
SÁCH



Châu Văn Hồ

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Cù Xuân Tiên

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Tuấn Lộc